

Hà Nội, ngày 17 tháng 12 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc tặng Bằng khen của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc

BỘ TRƯỞNG, CHỦ NHIỆM ỦY BAN DÂN TỘC

Căn cứ Nghị định số 13/2017/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ủy ban Dân tộc;

Căn cứ Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng;

Căn cứ Thông tư số 02/2015/TT-UBND ngày 30 tháng 11 năm 2015 của Ủy ban Dân tộc về Hướng dẫn công tác thi đua, khen thưởng trong hệ thống cơ quan công tác dân tộc;

Xét đề nghị của Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Ủy ban Dân tộc.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Tặng Bằng khen của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc cho 23 tập thể và 47 cá nhân đã có thành tích xuất sắc trong Điều tra, thu thập thông tin về thực trạng kinh tế - xã hội của 53 dân tộc thiểu số năm 2019 (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Mức tiền thưởng cho mỗi tập thể là 2.980.000 đồng, mỗi cá nhân là 1.490.000 đồng. Chi từ nguồn kinh phí điều tra, thu thập thông tin về thực trạng kinh tế - xã hội của 53 dân tộc thiểu số, kinh phí năm 2020.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực từ ngày ký.

Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Ủy ban Dân tộc, Chánh Văn phòng Ủy ban, Thủ trưởng các Vụ, đơn vị thuộc Ủy ban Dân tộc, tập thể và cá nhân có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận

- Như Điều 3;
- Các TT, PCN UBND;
- Hội đồng TĐKT UBND;
- Phòng KTTV (02 bản);
- Công TTĐT UBND;
- Lưu: VT, TCCB (05 bản).

18

BỘ TRƯỞNG, CHỦ NHIỆM



Đỗ Văn Chiến

ỦY BAN DÂN TỘC

DANH SÁCH

Tặng Bằng khen của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc
(Kèm theo Quyết định số: 797/QĐ-UBND ngày 17 tháng 12 năm 2020
của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc)

I. TẬP THỂ

1. Vụ Kế hoạch - Tài chính, Ủy ban Dân tộc;
2. Vụ Thống kê Dân số và Lao động, Tổng cục Thống kê;
3. Trung tâm Tin học thống kê Khu vực I, Cục Thu thập dữ liệu và Ứng dụng công nghệ thông tin thống kê, Tổng cục Thống kê;
4. Cục Thống kê tỉnh Tuyên Quang, Tổng cục Thống kê;
5. Cục Thống kê tỉnh Yên Bái, Tổng cục Thống kê;
6. Cục Thống kê tỉnh Cao Bằng, Tổng cục Thống kê;
7. Cục Thống kê tỉnh Thừa Thiên Huế, Tổng cục Thống kê;
8. Cục Thống kê tỉnh Gia Lai, Tổng cục Thống kê;
9. Cục Thống kê tỉnh Đắk Lắk, Tổng cục Thống kê;
10. Cục Thống kê tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Tổng cục Thống kê;
11. Cục Thống kê tỉnh Trà Vinh, Tổng cục Thống kê;
12. Cục Thống kê tỉnh Sóc Trăng, Tổng cục Thống kê;
13. Cục Thống kê tỉnh Sơn La, Tổng cục Thống kê;
14. Ban Dân tộc tỉnh Cà Mau;
15. Ban Dân tộc Thành phố Hồ Chí Minh;
16. Ban Dân tộc tỉnh Quảng Ngãi;
17. Ban Dân tộc tỉnh Tuyên Quang;
18. Phòng Thanh tra, Ban Dân tộc tỉnh Sơn La;
19. Ban Dân tộc tỉnh Khánh Hòa;
20. Ban Dân tộc tỉnh Thái Nguyên;
21. Phòng Kế hoạch - Tổng hợp, Ban Dân tộc tỉnh Sóc Trăng;
22. Phòng Chính sách - Kế hoạch, Ban Dân tộc tỉnh Gia Lai;
23. Phòng Kế hoạch - Tổng hợp, Ban Dân tộc tỉnh Bắc Giang;

II. CÁ NHÂN

1. Ông Nguyễn Mạnh Huân, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính, Ủy ban Dân tộc;
2. Bà Vũ Hoàng Anh, Phó Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính, Ủy ban Dân tộc;
3. Bà Vũ Minh Trang, Thống kê viên, Phòng Kế hoạch, Đầu tư và Thống kê, Ủy ban Dân tộc;



4. Ông Nguyễn Cao Thịnh, Phó Vụ trưởng Vụ Tổng hợp, Ủy ban Dân tộc;
5. Ông Tráng A Dương, Phó Vụ trưởng Vụ Địa phương I, Ủy ban Dân tộc;
6. Ông Điều Mưu, Phó Vụ trưởng Vụ Địa phương II, Ủy ban Dân tộc;
7. Bà Triệu Thị Thó, Chuyên viên Phòng Địa bàn, Vụ Địa phương III, Ủy ban Dân tộc;
8. Ông Phan Hồng Thủy, Phó Vụ trưởng Vụ Pháp chế, Ủy ban Dân tộc;
9. Bà Sùng Thị Mai, Chuyên viên Vụ Tuyên truyền, Ủy ban Dân tộc;
10. Bà Vũ Thị Thu Thủy, Vụ trưởng Vụ Thống kê Dân số và Lao động, Tổng cục Thống kê;
11. Bà Nguyễn Thị Thúy Oanh, Phó Trưởng phòng phụ trách Phòng Thiết kế mẫu và Điều tra thống kê, Cục Thu thập dữ liệu và Ứng dụng công nghệ thông tin thống kê, Tổng cục Thống kê;
12. Ông Nguyễn Văn Hưng, Thống kê viên chính Vụ Thống kê Dân số và Lao động, Tổng cục Thống kê;
13. Bà Nguyễn Thị Ngọc Lan, Thống kê viên chính Vụ Thống kê Dân số và Lao động, Tổng cục Thống kê;
14. Bà Đoàn Thị Bích Hạnh, Thống kê viên chính Vụ Thống kê Dân số và Lao động, Tổng cục Thống kê;
15. Bà Đặng Thị Mai Vân, Thống kê viên Phòng Thiết kế mẫu và Điều tra thống kê, Cục Thu thập dữ liệu và Ứng dụng công nghệ thông tin thống kê, Tổng cục Thống kê;
16. Ông Phạm Hoài Nam, Vụ trưởng Kế hoạch tài chính, Tổng cục Thống kê;
17. Ông Nguyễn Văn Tuyên, Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ, Tổng cục Thống kê;
18. Ông Cao Quang Thành, Giám đốc Trung tâm Tin học thống kê Khu vực 1, Cục Thu thập dữ liệu và Ứng dụng công nghệ thông tin thống kê, Tổng cục Thống kê;
19. Bà Nguyễn Thị Yên, Trưởng phòng Phòng Cơ sở dữ liệu, Trung tâm Thông tin thống kê Khu vực 1, Cục Thu thập dữ liệu và Ứng dụng công nghệ thông tin thống kê, Tổng cục Thống kê;
20. Ông Nông Ngọc Hải, Trưởng phòng Phòng Thống kê Dân số - Văn xã, Cục Thống kê tỉnh Bắc Kạn, Tổng cục Thống kê;
21. Bà Bạch Thị Tình, Phó Cục trưởng Cục Thống kê tỉnh Thái Nguyên, Tổng cục Thống kê;
22. Ông Lăng Đình Phi, Trưởng phòng Phòng Thống kê Dân số - Văn xã, Cục Thống kê tỉnh Lạng Sơn, Tổng cục Thống kê;
23. Ông Hoàng Quốc Huy, Trưởng phòng Phòng Thống kê Dân số - Văn xã, Cục Thống kê tỉnh Lai Châu, Tổng cục Thống kê;
24. Ông Phạm Tư Giáo, Phó Cục trưởng Cục Thống kê tỉnh Điện Biên, Tổng cục Thống kê;
25. Bà Nguyễn Thị Thu Hà, Thống kê viên Phòng Thống kê Dân số - Văn xã, Cục Thống kê tỉnh Hòa Bình, Tổng cục Thống kê;

26. Bà Nguyễn Thị Thu Hà, Trưởng phòng Phòng Thống kê Dân số - Văn xã, Cục Thống kê tỉnh Nghệ An, Tổng cục Thống kê;
27. Ông Phạm Thanh Xuân, Trưởng phòng Phòng Thống kê Dân số - Văn xã, Cục Thống kê tỉnh Quảng Bình, Tổng cục Thống kê;
28. Ông Hoàng Vĩnh Bách, Trưởng phòng Phòng Thống kê Dân số - Văn xã, Cục Thống kê tỉnh Quảng Trị, Tổng cục Thống kê;
29. Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc, Thống kê viên chính Phòng Thống kê Dân số - Văn xã, Cục Thống kê tỉnh Quảng Nam, Tổng cục Thống kê;
30. Ông Trương Minh Trí, Phó Cục trưởng Cục Thống kê tỉnh Bình Định, Tổng cục Thống kê;
31. Ông Hồ Ngọc Quang, Cục trưởng Cục Thống kê tỉnh Đắk Nông, Tổng cục Thống kê;
32. Ông Bùi Thúc Định, Thống kê viên Phòng Thống kê Dân số - Văn xã, Cục Thống kê tỉnh Kon Tum, Tổng cục Thống kê;
33. Ông Nguyễn Công Thạnh, Quyền Cục trưởng Cục Thống kê tỉnh Lâm Đồng, Tổng cục Thống kê;
34. Ông Huỳnh Bá Hiệp, Thống kê viên chính Phòng Thống kê Dân số - Văn xã, Cục Thống kê tỉnh An Giang, Tổng cục Thống kê;
35. Ông Nguyễn Văn Thuật, Phó Trưởng Ban Dân tộc tỉnh Cà Mau;
36. Ông Nguyễn Duy Trường, Trưởng phòng Dân tộc, Ban Dân tộc tỉnh Cà Mau;
37. Ông Đinh Văn Yên, Phó Trưởng phòng Kế hoạch - Tổng hợp, Ban Dân tộc tỉnh Quảng Ngãi;
38. Bà Lê Thị Thanh, Phó Trưởng phòng Chính sách Dân tộc, Ban Dân tộc tỉnh Tuyên Quang;
39. Ông Hoàng Hùng Chảnh, Trưởng phòng Dân tộc huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang;
40. Ông Lò Văn Hùng, Thanh tra viên, Phòng Thanh tra, Ban Dân tộc tỉnh Sơn La;
41. Ông Phạm Duy Khánh, Phó Trưởng Ban Dân tộc tỉnh Khánh Hòa;
42. Ông Phùng Tấn Duy, Chánh Văn phòng, Ban Dân tộc tỉnh Khánh Hòa;
43. Ông Hoàng Phong, Phó Trưởng Ban Dân tộc tỉnh Thái Nguyên;
44. Bà Trần Thị Mỹ Hoài, Chuyên viên phòng Kế hoạch - Tổng hợp, Ban Dân tộc tỉnh Thái Nguyên;
45. Ông Thạch Thanh Tùng, Phó Trưởng Ban Dân tộc tỉnh Sóc Trăng;
46. Ông Kpă Đô, Trưởng Ban Dân tộc tỉnh Gia Lai;
47. Ông Hà Anh Tuấn, Trưởng phòng Kế hoạch - Tổng hợp, Ban Dân tộc tỉnh Bắc Giang./.

